Phụ lục

CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG/BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1.	1.001603	Thủ tục phê duyệt mẫu phương tiện đo	Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
2.	2.000737	Thủ tục điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo	Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
3.	2.000747	Thủ tục gia hạn hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo	Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
4.	1.008089	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch	Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
5.	1.007293	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ	Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Vụ Đánh giá và Thẩm định công nghệ

6.	1.011805	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ, cơ quan ngang bộ theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý (đối với lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan thực hiện là Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ).
II. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1.	2.002249	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh
2.	1.013918	Thủ tục chấp thuận chuyển giao công nghệ	Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh
3.	1.013927	Thủ tục cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ	Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh
4	1.011812	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	Hoạt động khoa học và công nghệ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định TTHC bị bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1.	2.000551	Thủ tục Chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng.	Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
2.	1.001132	Thủ tục đề nghị bãi bỏ hiệu lực của thông báo đình chỉ giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng do vi phạm.	Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
3.	1.001148	Thủ tục chứng nhận lại, điều chỉnh nội dung của giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng.	Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
4.	1.002916	Thủ tục xác định danh mục nhiệm vụ hằng năm, định kỳ thuộc Đề án 844	Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. Thủ tục hành chính cấp trung ương

1. Thủ tục phê duyệt mẫu phương tiện đo

Trình tự thực hiện	Bước 1: Cơ sở sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo (sau đây gọi tắt là cơ sở) thuộc Danh mục phương tiện đo phải kiểm định do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo đến *Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia).* Bước 2**:** *Ủy ban* tiếp nhận hồ sơ, xem xét, thẩm định theo quy định: - Nếu hồ sơ chưa hợp lệ: Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, *Ủy ban* thông báo bằng văn bản cho cơ sở những nội dung cần sửa đổi, bổ sung. Trường hợp trong hồ sơ có đề nghị miễn, giảm thử nghiệm mẫu nhưng không đủ căn cứ được miễn, giảm, *Ủy ban* thông báo bằng văn bản về việc phải thử nghiệm mẫu và/hoặc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đăng ký phê duyệt mẫu. - Nếu hồ sơ hợp lệ: Trong thời hạn mười ngày (10) làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, *Ủy ban* ra quyết định phê duyệt mẫu theo quy định.
Cách thức thực hiện	*Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:* *- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;* *(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:* *+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;* *+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;* *+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).* *- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).*

Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: - *Bản đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo theo Mẫu 1. ĐKPDM tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN.* - Bộ tài liệu kỹ thuật của mẫu. Tài liệu phải nêu rõ: Nguyên lý hoạt động, sơ đồ nguyên lý cấu trúc, hướng dẫn sử dụng; các kết cấu quan trọng ảnh hưởng tới đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu; vị trí các cơ cấu đặt và điều chỉnh thông số kỹ thuật đo lường chính của mẫu; vị trí để dán tem, đóng dấu kiểm định, niêm phong và các đặc điểm khác nếu có trên mẫu; vị trí cơ cấu hoặc tính năng kỹ thuật thực hiện ngăn ngừa tác động làm thay đổi đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu trong sử dụng (tiếng Việt hoặc tiếng Anh hoặc cả 2 thứ tiếng). - Bộ ảnh mầu của mẫu và đĩa CD *chứa dữ liệu điện tử của* bộ ảnh này. Bộ ảnh gồm: Một (01) ảnh tổng thể của mẫu; các ảnh mặt trước (mặt thể hiện kết quả đo), mặt sau, mặt trên, mặt dưới (nếu có), bên phải, bên trái của mẫu; các ảnh chụp riêng thể hiện thông tin về ký mã hiệu, kiểu và đặc trưng đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu; bảng mạch điện tử (nếu có), các phím vận hành; vị trí nhãn hàng hóa của mẫu, vị trí dán tem, dấu kiểm định; các vị trí niêm phong trên mẫu; các bộ phận khác có ảnh hưởng trực tiếp tới các đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu. Các ảnh phải cùng kích cỡ tối thiểu 100 mm × 150 mm nhưng không lớn hơn 210 mm × 297 mm, được gắn hoặc in mầu trên giấy khổ A4 đóng thành tập. Ảnh chụp phải rõ ràng, chính xác thông tin về đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu và bảo đảm yêu cầu so sánh, đối chiếu, kiểm tra sự phù hợp của phương tiện đo được sản xuất hoặc nhập khẩu so với mẫu đã phê duyệt. - Bộ hồ sơ kết quả thử nghiệm, đánh giá mẫu. Trường hợp cơ sở có đề nghị miễn, giảm thử nghiệm mẫu trong đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo, bộ hồ sơ gồm các tài liệu liên quan đến việc miễn, giảm thử nghiệm theo quy định tại *Điều 12 của Thông tư 23/2013/TT-BKHCN.* * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo thuộc Danh mục phương tiện đo phải phê duyệt mẫu.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia*

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo (Mẫu 1.ĐNPDM - Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011; - Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; *- Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN ngày 15/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;* *- Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia;* *- Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số Thông tư thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.*

Mẫu 1. ĐNPDM

23/2013/TT-BKHCN

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số:……..	*……, ngày tháng năm….*

ĐĂNG KÝ PHÊ DUYỆT MẪU PHƯƠNG TIỆN ĐO

Kính gửi: *Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia*

Tên cơ sở:.....

Địa chỉ trụ sở chính [(1)]: .....

Địa chỉ văn phòng giao dịch (nếu có):.....

Điện thoại: ……....Fax:..... Email:.....

Đăng ký kinh doanh số: ……..... Ngày cấp…….. Nơi cấp.....

Đề nghị Ủy ban phê duyệt mẫu để (*sản xuất hoặc nhập khẩu*) [(2)] phương tiện đo sau:

Tên phương tiện đo:

Đặc tính kỹ thuật đo lường chính: *(ghi rõ tên hãng sản xuất, tên nước sản xuất, ký hiệu, kiểu, phạm vi đo, cấp chính xác và các đặc trưng kỹ thuật đo lường quan trọng khác)*

Đề nghị được miễn/giảm thử nghiệm mẫu theo: [(3)]

Lý do đề nghị miễn/giảm thử nghiệm mẫu:

Tài liệu kèm theo [(4)]:

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu ...	**CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ** *(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

[(1)]: *Ghi rõ đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập*

[(2)]: *Ghi rõ sản xuất hoặc nhập khẩu.*

[(3)]: *Ghi rõ đề nghị được miễn/giảm thử nghiệm mẫu theo quy định tại điều, khoản, điểm cụ thể của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN.*

[(4)]: *Ghi tên hồ sơ nộp kèm (Ví dụ: Hồ sơ liên quan đến đề nghị miễn, giảm thử nghiệm mẫu; tờ khai hải quan đối với trường hợp nhập khẩu….)*

2. Thủ tục điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo

Trình tự thực hiện	Bước 1: Cơ sở sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo (sau đây gọi tắt là cơ sở) nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu theo quy định đến *Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia).* Bước 2: Tổng cục tiếp nhận hồ sơ, xem xét, thẩm định theo quy định: Trong thời hạn *năm (05) ngày* làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, *Ủy ban* xem xét, có văn bản hướng dẫn cơ sở thực hiện việc phê duyệt mẫu mới hoặc ban hành quyết định điều chỉnh theo quy định.
Cách thức thực hiện	*Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:* *- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;* *(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:* *+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;* *+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;* *+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).* *- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo. - Tài liệu có liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh. * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*05 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ hợp lệ.*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ sở sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo.
Phí, lệ phí (nếu	Không

có)	
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Không
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011; - Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; *- Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;* *- Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia;* *- Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số Thông tư thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.*

3. Thủ tục gia hạn hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo

Trình tự thực hiện	Bước 1: Một (01) tháng trước khi quyết định phê duyệt mẫu hết hiệu lực, cơ sở sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo (sau đây gọi tắt là cơ sở) nếu có nhu cầu, lập và nộp hồ sơ theo quy định đến *Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia).* Bước 2: *Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia* tiếp nhận hồ sơ, xem xét, thẩm định theo quy định: - Nếu hồ sơ *không hợp lệ*: Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, *Ủy ban* thông báo bằng văn bản cho cơ sở. - Nếu hồ sơ hợp lệ: Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, *Ủy ban* sẽ ra quyết định gia hạn hiệu lực quyết định phê duyệt mẫu của cơ sở.
Cách thức thực hiện	*Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:* *- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;* *(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:* *+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;* *+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;* *+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).* *- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	** Thành phần hồ sơ:* *- Đề nghị gia hạn hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo.* ** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*
Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ sở sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo.

Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đề nghị gia hạn hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo (Mẫu 5.ĐNGHPDM - Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011; - Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; *- Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;* *- Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia;* *- Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số Thông tư thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.*

Mẫu 5. ĐNGHPDM

23/2013/TT-BKHCN

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: …….	*……, ngày ...tháng ...năm….*

ĐỀ NGHỊ GIA HẠN HIỆU LỰC CỦA QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT MẪU PHƯƠNG TIỆN ĐO

Kính gửi: Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia

Tên cơ sở: .....

Địa chỉ trụ sở chính(1): .....

Địa chỉ văn phòng giao dịch (nếu có): .....

Điện thoại: ……Fax:……..Email: .....

Đăng ký kinh doanh số: ……Ngày cấp..……Nơi cấp .....

Đề nghị Ủy ban gia hạn hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo số……..ngày….tháng…….năm……..

Thay đổi đặc tính kỹ thuật và đặc tính đo lường so với mẫu đã phê duyệt *(nếu có thay đổi về kiểu ký hiệu, phạm vi đo, cấp chính xác và các đặc trưng kỹ thuật và đo lường khác)*

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu …	**CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

_____

(1) *Ghi rõ theo đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập.*

4. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch nộp hồ sơ đăng ký thực hiện đến *Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia).* Bước 2: *Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quố*c gia tiếp nhận hồ sơ, xem xét, thẩm định theo quy định: 2.1. Với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp tại Bộ phận một cửa Bộ Khoa học và Công nghệ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc (đối với hồ sơ nộp bản giấy) hoặc 01 ngày làm việc (đối với hồ sơ nộp trực tuyến), kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thường trực về mã số, mã vạch thông báo cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ để sửa đổi, bổ sung. Trong thời hạn hạn 20 ngày (đối với hồ sơ nộp bản giấy) hoặc 05 ngày làm việc (đối với hồ sơ nộp trực tuyến) kể từ ngày có thông báo, tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, cơ quan thường trực về mã số, mã vạch phải thông báo và nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đóng các khoản phí theo quy định, cơ quan thường trực về mã số, mã vạch có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận mã số mã vạch. Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận không quá 03 năm kể từ ngày cấp. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch được cấp lại ghi theo thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch đã được cấp. 2.2. Với hồ sơ nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia: a1) Trường hợp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan xử lý thông báo cho tổ chức, cá nhân để sửa đổi, bổ sugn thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo, tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hồ sơ đã đăng ký; a2) Trường hợp hồ sơ đăng ký cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch đầy đủ, hợp lệ và tổ chức, cá nhân đóng các khoản phí theo quy định; cơ quan xử lý có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ãm số, mã vạch trong thời hạn mười (10) ngày làm việc với các nội dung quy định tại Mẫu số 14 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường; a3) Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận không quá 03 năm kể từ ngày cấp.

	Bước 3: Trả kết quả Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận một cửa Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc qua Bưu chính công ích hoặc trực tuyến.
Cách thức thực hiện	*Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:* *- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;* *(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:* *+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;* *+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;* *+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).* *- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	*1. Với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp tại Bộ phận một cửa Bộ Khoa học và Công nghệ:* * Thành phần hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch: - Đơn đăng ký sử dụng mã số, mã vạch theo Mẫu số 12 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 13/2022/NĐ-CP; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định thành lập. * Thành phần hồ sơ nếu doanh nghiệp cần cấp lại, cấp đổi trong thời hạn hiệu lực giấy chứng nhận: - Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 13 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định thành lập đối với trường hợp thay đổi tên, địa chỉ; - Bản chính Giấy chứng nhận (trừ trường hợp bị mất). 2. Thành phần hồ sơ nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ Công quốc gia: a) Hồ sơ đăng ký cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch gồm: - Biểu mẫu điện tử kê khai thông tin đăng ký có chữ ký số. Các nội dung trong biểu mẫu điện tử thực hiện theo quy định tại Mẫu số 12 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định *chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng*

	sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường; b) Sử dụng tài khoản định danh điện tử VneID của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh đã được xác thực để thực hiện thủ tục cấp mới quyền sử dụng mã số, mã vạch; cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp trên tài khoản VneID chưa tích hợp, không khai thác được hoặc khai thác được nhưng không đầy đủ, chính xác thông tin về các giấy tờ cần thiết như Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu tương đương thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính. * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	* Trường hợp cấp mới, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ: - 13 ngày đối với hồ sơ nộp bản giấy; - 10 ngày đối với hồ sơ nộp trực tuyến.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch.
Phí, lệ phí (nếu có)	* Mức thu phí cấp và hướng dẫn sử dụng mã số mã vạch - Sử dụng mã doanh nghiệp GS1 (không phân biệt mã số đăng ký sử dụng): 1.000.000 đồng/mã - Sử dụng mã địa điểm toàn cầu (GLN): 300.000 đồng/mã - Sử dụng mã số thương phẩm toàn cầu 8 chữ số EAN-8 (GTIN-8): 300.000 đồng/mã * Mức thu phí duy trì sử dụng mã số mã vạch hàng năm (niên phí) - Sử dụng mã doanh nghiệp GS1 + Sử dụng mã doanh nghiệp GS1 loại 10 số (tương ứng với trường hợp doanh nghiệp được sử dụng 100 số vật phẩm): 500.000 đồng/năm + Sử dụng mã doanh nghiệp GS1 loại 9 số (tương ứng với trường hợp doanh nghiệp được sử dụng 1.000 số vật phẩm): 800.000 đồng/năm

	+ Sử dụng mã doanh nghiệp GS1 loại 8 số (tương ứng với trường hợp doanh nghiệp được sử dụng 10.000 số vật phẩm): 1.500.000 đồng/năm + Sử dụng mã doanh nghiệp GS1 loại 7 số (tương ứng với trường hợp doanh nghiệp được sử dụng 100.000 số vật phẩm): 2.000.000 đồng/năm - Sử dụng mã địa điểm toàn cầu (GLN): 200.000 đồng/năm - Sử dụng mã số thương phẩm toàn cầu 8 chữ số EAN-8 (GTIN-8): 200.000 đồng/năm Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số mã vạch sau ngày 30 tháng 6 thì chỉ phải nộp 50% (năm mươi phần trăm) mức phí duy trì tương ứng với từng loại mã số mã vạch theo quy định nêu trên.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đăng ký sử dụng mã số, mã vạch theo quy định tại Mẫu số 12 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 13/2022/NĐ-CP (mẫu kèm theo); - Công văn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định tại Mẫu số 14 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP (với trường hợp cấp lại) (mẫu kèm theo).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Tổ chức nộp đơn có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định thành lập hợp pháp. - Giấy chứng nhận được cấp lại, cấp đổi áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có giấy chứng nhận còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân. - Nộp phí cấp và phí duy trì quyền sử dụng mã số, mã vạch theo quy định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Thông tư số 232/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp mã số, mã vạch. - Thông tư số 10/2020/TT-BKHCN ngày 30/12/2020 quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về sử dụng mã số mã vạch. - Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường.

	- Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số Thông tư thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Mẫu số 12 Nghị định 13/2022/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
——----------

……., ngày …. tháng……năm…….

ĐƠN ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG MÃ SỐ, MÃ VẠCH[1]

Thông tin tổ chức:
Tên bằng tiếng Việt[2]: ……...

Tên bằng tiếng Anh (hoặc tiếng Việt không dấu): ……

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Quyết định thành lập - Số:……...

Ngày cấp: ……...….Cơ quan cấp: ……...

Địa chỉ*: ……

Điện thoại*: …… Email: ……..

Đăng ký trích nợ tự động (Điền ✓ vào ô trống):

□ Qua tài khoản □ Qua ví điện tử

□ Qua thẻ ngân hàng □ Khác:

Lĩnh vực hoạt động (Điền ✓ vào ô trống):

□ Sản xuất □ Thương mại □ Bán lẻ

□ Dịch vụ □ Khác:

Chúng tôi xin đăng ký sử dụng loại mã* (Điền ✓ vào ô trống):

□ Tiền tố mã doanh nghiệp *(GS1 Company Prefix GCP)*	□ Mã doanh nghiệp GS1 loại 12 số (GCP-12)
	□ Mã doanh nghiệp GS1 loại 10 số (GCP-10)
	□ Mã doanh nghiệp GS1 loại 9 số (GCP-9)
	□ Mã doanh nghiệp GS1 loại 8 số (GCP-8)[3]
□ Mã địa điểm toàn cầu GLN [4] ** (*Global Location Number*)	□ Dành cho địa điểm vật lý (Physical location)
	□ Dành cho địa điểm số (Digital location)
	□ Dành cho pháp nhân (Legal entity)

[1] Các thông tin kê khai có thể được cập nhật phù hợp với yêu cầu của Tổ chức mã số, mã vạch quốc tế GS1
[2] Trường thông tin bắt buộc kê khai
[3] Chỉ cấp theo khuyến cáo của Tổ chức mã số, mã vạch quốc tế GS1
[4]** Danh mục mã địa điểm, thương phẩm gửi kèm

	□ Dành cho đơn vị chức năng (Functional entity)
□ Mã thương phẩm toàn cầu 8 chữ số EAN-8 (GTIN-8)**	

Đại diện Tổ chức/Doanh nghiệp*

Chức danh	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Điện thoại/fax	Hòm thư điện tử
Đại diện có thẩm quyền				
Người liên lạc chính				

Chúng tôi cam đoan thông tin kê khai trên là đúng và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan đến mã số, mã vạch, các quy định về phí và các điều khoản sau đây:

- Chỉ sử dụng mã số đã được cấp cho các sản phẩm, dịch vụ của mình;
- Thực hiện đúng các quy định về nộp phí và nộp phí duy trì theo quy định của pháp luật;
- Khi vì lý do nào đó (bị giải thể, phá sản, v.v…) không còn nhu cầu sử dụng mã số đã được cấp, chúng tôi sẽ thông báo bằng văn bản cho Ủy ban TCĐLCL Quốc gia trong thời gian một tháng kể từ ngày giải thể hoặc phá sản;
- Nếu đổi tên, tư cách pháp nhân hoặc địa chỉ, chúng tôi sẽ thông báo cho Ủy ban TCĐLCL Quốc gia trong thời gian một tháng kể từ ngày có thay đổi để làm thủ tục đổi giấy chứng nhận.

...., ngày... tháng... năm...

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày ..... tháng ..... năm 2023

Danh mục địa điểm cần đăng ký mã địa điểm toàn cầu GLN

STT	Loại mã GLN[5]	Tên / Mô tả	Địa chỉ	Ghi chú

[5] Loại mã GLN bao gồm: Địa điểm vật lý (Physical location) / Địa điểm số (Digital location) / Pháp nhân (Legal entity) / Đơn vị chức năng (Functional entity)

Danh mục mã thương phẩm toàn cầu 8 chữ số EAN-8 (GTIN-8) cần đăng ký

STT	Tên sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Ghi chú

Mẫu số 14 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP

(TÊN TỔ CHỨC SỬ DỤNG MSMV)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....
V/v cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng MSMV

....., ngày ..... tháng .....năm .....

Kính gửi: Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Ngày..... tháng..... năm....., chúng tôi đã được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số mã vạch* số: (B/N) ..... và được sử dụng mã số doanh nghiệp là:

893.....

Hiện nay, do.....*(nêu lý do thay đổi)*....., nên kính đề nghị Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số mã vạch và cho phép cơ sở duy trì sử dụng mã số đã được cấp: 893.....

Hồ sơ gửi kèm gồm:

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập.
2. Giấy chứng nhận đã được cấp.
3. Bản đăng ký sử dụng mã số mã vạch đã điền các thông tin thay đổi.

Chúng tôi xin chấp hành đầy đủ mọi quy định liên quan đến việc cấp, sử dụng và quản lý mã số mã vạch hiện hành.

Lãnh đạo của Tổ chức/Doanh nghiệp
(*Ký tên và đóng dấu*)

5. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân (bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước hoặc bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài) thay mặt các bên gửi hồ sơ đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ đến cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Bộ Quốc phòng). - Cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ xem xét hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định; + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ. + Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	*Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:* *- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ;* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ;* *- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Thành phần hồ sơ bao gồm: + Văn bản đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; + Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt hoặc bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng nước ngoài; + Trong trường hợp trước ngày 01/7/2018, tổ chức, cá nhân chưa đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc đã đăng ký tại cơ quan không phải là cơ quan mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ: Bản gốc hoặc bản sao có chứng

	thực hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt được gia hạn, sửa đổi, bổ sung hoặc bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng nước ngoài được gia hạn, sửa đổi, bổ sung; + Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấp phép kinh doanh,...) của các bên tham gia chuyển giao công nghệ; bản sao chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) (đối với cá nhân). *Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.* + Bản sao chứng thực văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với chuyển giao công nghệ có sử dụng vốn nhà nước; + Bản gốc Giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ). - Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	- Tổ chức, cá nhân có thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ. - Tổ chức, cá nhân có thỏa thuận gia hạn nội dung chuyển giao công nghệ đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ được các bên ký kết trước ngày 01/7/2018, sau khi gia hạn thuộc trường hợp phải đăng ký chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật Chuyển giao công nghệ.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Bộ Quốc phòng).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.
Phí, lệ phí (nếu có)	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá 05 (năm) triệu đồng và tối thiểu không dưới 03 (ba) triệu đồng.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Văn bản đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ký văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ, bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước hoặc bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài thay mặt các bên phải gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; *- Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số Thông tư thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.*

Mẫu số 06
58/2025/TT-BKHCN

.....[1]

Số: ...../.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
ĐĂNG KÝ GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Kính gửi: .....[2]

Tên tổ chức, cá nhân:.....[1]

Địa chỉ:..... Số điện thoại: ..... Email: ..... [3]

Đề nghị .....[2] xem xét, cấp đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ như sau:

I. Các Bên tham gia chuyển giao công nghệ

1. Bên giao công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)[5]:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại (tel):..... Email: .....
  Fax:..... Website: .....
- Người đại diện:..... Chức danh: .....
- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/dự án đầu tư … (ngày tháng năm cấp, cơ quan cấp, mã số)

2. Bên nhận công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)[5]:.....
- Địa chỉ:.....…
- Điện thoại (tel):.....…Email: .....
  Fax:.....…Website: .....
- Người đại diện:.....Chức danh:.....
- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/dự án đầu tư … (ngày tháng năm cấp, cơ quan cấp, mã số)

II. Nội dung chuyển giao công nghệ[4]

1. Giấy chứng nhận đăng ký số ..... ngày .... tháng ... năm do .....(tên cơ quan cấp đăng ký) cấp
2. Tên công nghệ:..... Lĩnh vực:.....….....
3. Đối tượng công nghệ chuyển giao

Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ		☐
Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu		☐
Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ		☐
Máy móc, thiết bị đi kèm công nghệ chuyển giao		☐
Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp	Sáng chế	☐

- Số văn bằng bảo hộ hoặc Số đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ): ..... (số, ngày cấp, ngày gia hạn) - Số Giấy chứng nhận chuyển giao quyền sở hữu/quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:. (số, ngày cấp, ngày gia hạn)	Giải pháp hữu ích	☐
	Kiểu dáng công nghiệp	☐

4. Hình thức chuyển giao công nghệ

Chuyển giao công nghệ độc lập			☐
Phần chuyển giao công nghệ trong các trường hợp	Dự án đầu tư		☐
	Góp vốn bằng công nghệ	Vào dự án đầu tư	☐
		Hình thức khác (ghi tên hình thức khác nếu có)	☐
	Nhượng quyền thương mại		☐
	Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ		☐
	Mua bán máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ chuyển giao	Theo hợp đồng mua bán độc lập	☐
		Theo dự án đầu tư	☐
Hình thức khác (nếu có)(6)			☐

5. Phương thức chuyển giao công nghệ

Chuyển giao tài liệu về công nghệ	☐
Đào tạo	☐
Cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật	☐
Chuyển giao máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ và theo các phương thức: Chuyển giao tài liệu về công nghệ; đào tạo; cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật	☐
Phương thức chuyển giao khác (nếu có)(7)	☐

6. Quyền chuyển giao công nghệ

Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ		☐
Chuyển giao quyền sử dụng công nghệ	Được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác	☐
	Không được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác	☐
	Chuyển giao độc quyền sử dụng công nghệ	☐
	Chuyển giao không độc quyền sử dụng công nghệ	☐

7. Sản phẩm công nghệ tạo ra:

- Tên, ký hiệu sản phẩm;
- Tiêu chuẩn chất lượng (theo TCVN, QCVN, tiêu chuẩn quốc tế,...);
- Sản lượng(8);
- Tỷ lệ xuất khẩu(9).

8. Giá, phương thức thanh toán chuyển giao công nghệ:

- Giá chuyển giao;
- Phương thức thanh toán;

- Chi phí đã thanh toán đến thời điểm đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

9. Thời gian thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ

10. Thời hạn còn lại của hợp đồng chuyển giao công nghệ

11. Số lần gia hạn, sửa đổi, bổ sung chuyển giao công nghệ

- Gia hạn, sửa đổi, bổ sung lần 1:

+ Nội dung;

+ Số Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

- Gia hạn, sửa đổi, bổ sung lần ...:

+ Nội dung;

+ Số Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

III. Nội dung đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung

1. Nội dung đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung: Nêu cụ thể đối với từng nội dung gia hạn, sửa đổi, bổ sung

2. Lý do gia hạn, sửa đổi, bổ sung: nêu cụ thể đối với từng nội dung gia hạn, sửa đổi, bổ sung

3. Giá chuyển giao nội dung công nghệ đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung (nếu có)[10]

V. Các văn bản kèm theo đơn đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung

Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt[11]	☐
Bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng ..... (nước ngoài)[11]	☐
Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển giao công nghệ được gia hạn, sửa đổi, bổ sung bằng tiếng Việt[12]	☐
Bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ được gia hạn, sửa đổi, bổ sung bằng tiếng ..... (nước ngoài)[12]	☐
Bản sao chứng thực văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với chuyển giao công nghệ có sử dụng vốn nhà nước	☐
Bản gốc Giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ)	☐

.....[1] thay mặt các Bên tham gia chuyển giao công nghệ .....[3] xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của các nội dung được nêu trên đây và tài liệu kèm theo. Nếu được .....[13], các bên tham gia chuyển giao công nghệ cam kết tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN[1]
(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)[14]

Ghi chú:

- (1): Bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; Bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước; Bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

- (2): Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

- (3): Địa chỉ, thông tin liên lạc của (1).

- (4): Tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thực hiện kê khai thông tin như sau:

+Trường hợp 1: Trường hợp trước ngày 01 tháng 7 năm 2018, tổ chức, cá nhân đã đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ tại cơ quan đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thì không bắt buộc phải kê khai thông tin tại Mục này.

+Trường hợp 2: Trường hợp trước ngày 01 tháng 7 năm 2018, tổ chức, cá nhân chưa đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc đã đăng ký tại cơ quan không phải là cơ quan mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thì phải kê khai đầy đủ các nội dung yêu cầu tại Mục này.

- (5): Trường hợp là cá nhân phải cung cấp thông tin cá nhân gồm: Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) số ..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

- (6): Ghi rõ tên hình thức, cơ sở thực hiện hình thức chuyển giao theo quy định nào của pháp luật.

- (7): Ghi rõ tên phương thức, cơ sở thực hiện phương thức chuyển giao theo quy định nào của pháp luật.

- (8): Tổng số lượng sản phẩm (đơn vị) do công nghệ được chuyển giao sản xuất ra theo nội dung chuyển giao công nghệ được đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

- (9): Tính theo số lượng hoặc giá trị trong một năm (năm thực hiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung hoặc năm trước liền kề năm thực hiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung).

- (10): Trường hợp có thay đổi về giá chuyển giao công nghệ, đề nghị nêu cụ thể giá đối với từng nội dung gia hạn, sửa đổi, bổ sung và phương thức thanh toán tương ứng với mỗi nội dung đó.

- (11): Nộp một trong hai bản, bản dịch công chứng tiếng Việt hoặc bản gốc/bản sao chứng thực hợp đồng bằng tiếng Việt.

- (12): Trong trường hợp trước ngày 01 tháng 7 năm 2018, tổ chức, cá nhân chưa đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc đã đăng ký tại cơ quan không phải là cơ quan mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

- (13): Ghi "gia hạn nội dung chuyển giao công nghệ" trong trường hợp đăng ký gia hạn nội dung chuyển giao công nghệ; Ghi "sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ" trong trường hợp đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; Ghi "gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ" trong trường hợp đồng thời đăng ký gia hạn và sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

- (14): Trường hợp là cá nhân chỉ cần ký, ghi rõ họ tên.

- Đối với ô trống ☐, nếu có (hoặc đúng) thì đánh dấu "✓" vào trong ô trống.

6. Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu

Trình tự thực hiện	*- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại Bộ, cơ quan ngang bộ theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.* *- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ:* *+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, đánh giá hồ sơ thông báo để tổ chức, cá nhân nộp bổ sung, hoàn thiện.* *+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá. Hội đồng đánh giá có từ 07 đến 09 thành viên, gồm đại diện của các cơ quan quản lý và các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan.* *+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng, cơ quan có thẩm quyền xem xét, đánh giá hồ sơ ban hành quyết định công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu.* *+ Trường hợp kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu không được công nhận, cơ quan có thẩm quyền xem xét, đánh giá hồ sơ phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.*
Cách thực thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính *về Bộ phận Một cửa của* cơ quan có thẩm quyền xem xét, đánh giá hồ sơ theo quy định.
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	*1. Thành phần hồ sơ:* *- Đơn đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân (theo mẫu).* *- Báo cáo chuyển giao, ứng dụng hiệu quả kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong thực tiễn (theo mẫu).* *- Các tài liệu minh chứng liên quan đến việc chuyển giao, ứng dụng hiệu quả kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong thực tiễn.* *2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

Thời hạn giải quyết	*- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.* *- Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 15 ngày làm việc.* *- Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu có đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Bộ, cơ quan ngang bộ theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Mẫu BM I.1 - Đơn đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân.* *Mẫu BM I.2 - Báo cáo chuyển giao, ứng dụng hiệu quả kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong thực tiễn.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Tuân thủ các quy định pháp luật về quyền sở hữu đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. - Làm rõ nội dung, phương pháp thực hiện nghiên cứu, thử nghiệm, chuyển giao, ứng dụng; đặc tính, hiệu quả về kỹ thuật của kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực cụ thể. - Làm rõ phạm vi, quy mô ứng dụng, chuyển giao; giá trị kinh tế - xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh trong điều kiện cụ thể của đất nước, địa phương.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

	- Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; *- Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.*

BM I.1
58/2025/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Kính gửi: ……....1[6]

1. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị

- Tên tổ chức, cá nhân đề nghị: ……
- Đại diện theo pháp luật: ……2[7]
- Mã định danh tài khoản tổ chức, doanh nghiệp/Mã định danh tài khoản (công dân): ..……
- Điện thoại:…… Email: ……
- Địa chỉ: ……..
- Lĩnh vực hoạt động: ……..

2. Thông tin về kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu

- Tên kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: ……
- Tóm tắt nội dung kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: ……

3. Cam kết:

Tổ chức, cá nhân ……3[8] nắm giữ quyền sở hữu hợp pháp đối với ……..……4[9]. và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của các nội dung cam kết, tài liệu kèm theo.

...., ngày....tháng… năm .....

TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)5[10]

---

[6] Cơ quan có thẩm quyền công nhận quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018.
[7] Trường hợp là tổ chức thì ghi họ tên của người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó.
[8] Ghi rõ tên tổ chức, cá nhân đề nghị.
[9] Ghi rõ tên kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đề nghị.
[10] Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức.

BM I.2
58/2025/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
CHUYỂN GIAO, ỨNG DỤNG HIỆU QUẢ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRONG THỰC TIỄN

Kính gửi: ……....[11]

1. Thông tin về kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được ứng dụng, chuyển giao

1.1. Tên kết quả: ……..
1.2. Tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu: ……

2. Sự cần thiết phải công nhận

……

3. Mô tả đặc tính, hiệu quả về kỹ thuật, kinh tế - xã hội, môi trường

3.1. Bản vẽ, thiết kế, quy trình, sơ đồ:

……

3.2. Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá, thử nghiệm:

……

3.3. Giá trị kinh tế - xã hội, môi trường:

……

4. Nội dung, phạm vi, quy mô thực hiện nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao:

……

5. Hiệu quả chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong thực tiễn:

……

(Kèm theo tài liệu minh chứng).

...., ngày....tháng… năm .....

TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)[12]

[11] Cơ quan có thẩm quyền công nhận quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018.
[12] Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức.

II. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân (bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước hoặc bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài) thay mặt các bên gửi hồ sơ đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ đến *Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ - nơi đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ).* - Sở Khoa học và Công nghệ xem xét hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định; + Nếu hồ sơ đáp ứng yêu cầu theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ. + Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	*Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:* *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Thành phần hồ sơ bao gồm: + Văn bản đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; + Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt hoặc bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng nước ngoài; + Trong trường hợp trước ngày 01/7/2018, tổ chức, cá nhân chưa đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc đã đăng ký tại cơ quan không phải là cơ quan mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ: Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt được gia hạn, sửa đổi, bổ sung hoặc bản dịch sang tiếng Việt có công

	chứng hoặc chứng thực đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng nước ngoài được gia hạn, sửa đổi, bổ sung; + Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấp phép kinh doanh,...) của các bên tham gia chuyển giao công nghệ; bản sao chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) (đối với cá nhân). *Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.* + Bản sao chứng thực văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với chuyển giao công nghệ có sử dụng vốn nhà nước; + Bản gốc Giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ). - Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	- Tổ chức, cá nhân có thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ. - Tổ chức, cá nhân có thỏa thuận gia hạn nội dung chuyển giao công nghệ đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ được các bên ký kết trước ngày 01/7/2018, sau khi gia hạn thuộc trường hợp phải đăng ký chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật Chuyển giao công nghệ hoặc không thuộc trường hợp phải đăng ký chuyển giao công nghệ nhưng có nhu cầu đăng ký gia hạn.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Sở Khoa học và Công nghệ
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.
Phí, lệ phí (nếu có)	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá 05 (năm) triệu đồng và tối thiểu không dưới 03 (ba) triệu đồng.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Văn bản đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ký văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ, bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước hoặc bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài thay mặt các bên phải gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; *- Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số Thông tư thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.*

Mẫu số 06
/2025/TT-BKHCN

.....[1]

Số: ...../.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
ĐĂNG KÝ GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Kính gửi: .....[2]

Tên tổ chức, cá nhân:.....[1]

Địa chỉ:..... Số điện thoại: ..... Email: ..... [3]

Đề nghị .....[2] xem xét, cấp đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ như sau:

I. Các Bên tham gia chuyển giao công nghệ

1. Bên giao công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)[5]:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại (tel):..... Email: .....
  Fax:..... Website: .....
- Người đại diện:..... Chức danh: .....
- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/dự án đầu tư … (ngày tháng năm cấp, cơ quan cấp, mã số)

2. Bên nhận công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)[5]:.....
- Địa chỉ:.....…
- Điện thoại (tel):.....…Email: .....
  Fax:.....…Website: .....
- Người đại diện:.....Chức danh:.....
- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/dự án đầu tư … (ngày tháng năm cấp, cơ quan cấp, mã số)

II. Nội dung chuyển giao công nghệ[4]

12. Giấy chứng nhận đăng ký số ..... ngày .... tháng ... năm do .....(tên cơ quan cấp đăng ký) cấp
13. Tên công nghệ:..... Lĩnh vực:.....….....
14. Đối tượng công nghệ chuyển giao

Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ		☐
Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu		☐
Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ		☐
Máy móc, thiết bị đi kèm công nghệ chuyển giao		☐
Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp	Sáng chế	☐

- Số văn bằng bảo hộ hoặc Số đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ): ..... (số, ngày cấp, ngày gia hạn) - Số Giấy chứng nhận chuyển giao quyền sở hữu/quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:. (số, ngày cấp, ngày gia hạn)	Giải pháp hữu ích	☐
	Kiểu dáng công nghiệp	☐

15. Hình thức chuyển giao công nghệ

Chuyển giao công nghệ độc lập			☐
Phần chuyển giao công nghệ trong các trường hợp	Dự án đầu tư		☐
	Góp vốn bằng công nghệ	Vào dự án đầu tư	☐
		Hình thức khác (ghi tên hình thức khác nếu có)	☐
	Nhượng quyền thương mại		☐
	Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ		☐
	Mua bán máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ chuyển giao	Theo hợp đồng mua bán độc lập	☐
		Theo dự án đầu tư	☐
Hình thức khác (nếu có)(6)			☐

16. Phương thức chuyển giao công nghệ

Chuyển giao tài liệu về công nghệ	☐
Đào tạo	☐
Cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật	☐
Chuyển giao máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ và theo các phương thức: Chuyển giao tài liệu về công nghệ; đào tạo; cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật	☐
Phương thức chuyển giao khác (nếu có)(7)	☐

17. Quyền chuyển giao công nghệ

Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ		☐
Chuyển giao quyền sử dụng công nghệ	Được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác	☐
	Không được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác	☐
	Chuyển giao độc quyền sử dụng công nghệ	☐
	Chuyển giao không độc quyền sử dụng công nghệ	☐

18. Sản phẩm công nghệ tạo ra:

- Tên, ký hiệu sản phẩm;
- Tiêu chuẩn chất lượng (theo TCVN, QCVN, tiêu chuẩn quốc tế,...);
- Sản lượng(8);
- Tỷ lệ xuất khẩu(9).

19. Giá, phương thức thanh toán chuyển giao công nghệ:

- Giá chuyển giao;
- Phương thức thanh toán;

- Chi phí đã thanh toán đến thời điểm đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

20. Thời gian thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ

21. Thời hạn còn lại của hợp đồng chuyển giao công nghệ

22. Số lần gia hạn, sửa đổi, bổ sung chuyển giao công nghệ

- Gia hạn, sửa đổi, bổ sung lần 1:

+ Nội dung;

+ Số Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

- Gia hạn, sửa đổi, bổ sung lần ...:

+ Nội dung;

+ Số Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

III. Nội dung đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung

1. Nội dung đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung: Nêu cụ thể đối với từng nội dung gia hạn, sửa đổi, bổ sung

2. Lý do gia hạn, sửa đổi, bổ sung: nêu cụ thể đối với từng nội dung gia hạn, sửa đổi, bổ sung

3. Giá chuyển giao nội dung công nghệ đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung (nếu có)(10)

V. Các văn bản kèm theo đơn đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung

Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt(11)	☐
Bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng ..... (nước ngoài)(11)	☐
Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển giao công nghệ được gia hạn, sửa đổi, bổ sung bằng tiếng Việt(12)	☐
Bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ được gia hạn, sửa đổi, bổ sung bằng tiếng ..... (nước ngoài)(12)	☐
Bản sao chứng thực văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với chuyển giao công nghệ có sử dụng vốn nhà nước	☐
Bản gốc Giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ)	☐

.....(1) thay mặt các Bên tham gia chuyển giao công nghệ .....(3) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của các nội dung được nêu trên đây và tài liệu kèm theo. Nếu được .....(13), các bên tham gia chuyển giao công nghệ cam kết tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN(1)
(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)(14)

Ghi chú:

- (1): Bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; Bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước; Bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

- (2): Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

- (3): Địa chỉ, thông tin liên lạc của (1).

- (4): Tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thực hiện kê khai thông tin như sau:

+Trường hợp 1: Trường hợp trước ngày 01 tháng 7 năm 2018, tổ chức, cá nhân đã đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ tại cơ quan đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thì không bắt buộc phải kê khai thông tin tại Mục này.

+Trường hợp 2: Trường hợp trước ngày 01 tháng 7 năm 2018, tổ chức, cá nhân chưa đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc đã đăng ký tại cơ quan không phải là cơ quan mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thì phải kê khai đầy đủ các nội dung yêu cầu tại Mục này.

- (5): Trường hợp là cá nhân phải cung cấp thông tin cá nhân gồm: Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) số ..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

- (6): Ghi rõ tên hình thức, cơ sở thực hiện hình thức chuyển giao theo quy định nào của pháp luật.

- (7): Ghi rõ tên phương thức, cơ sở thực hiện phương thức chuyển giao theo quy định nào của pháp luật.

- (8): Tổng số lượng sản phẩm (đơn vị) do công nghệ được chuyển giao sản xuất ra theo nội dung chuyển giao công nghệ được đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

- (9): Tính theo số lượng hoặc giá trị trong một năm (năm thực hiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung hoặc năm trước liền kề năm thực hiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung).

- (10): Trường hợp có thay đổi về giá chuyển giao công nghệ, đề nghị nêu cụ thể giá đối với từng nội dung gia hạn, sửa đổi, bổ sung và phương thức thanh toán tương ứng với mỗi nội dung đó.

- (11): Nộp một trong hai bản, bản dịch công chứng tiếng Việt hoặc bản gốc/bản sao chứng thực hợp đồng bằng tiếng Việt.

- (12): Trong trường hợp trước ngày 01 tháng 7 năm 2018, tổ chức, cá nhân chưa đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc đã đăng ký tại cơ quan không phải là cơ quan mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

- (13): Ghi "gia hạn nội dung chuyển giao công nghệ" trong trường hợp đăng ký gia hạn nội dung chuyển giao công nghệ; Ghi "sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ" trong trường hợp đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; Ghi "gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ" trong trường hợp đồng thời đăng ký gia hạn và sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

- (14): Trường hợp là cá nhân chỉ cần ký, ghi rõ họ tên.

- Đối với ô trống ☐, nếu có (hoặc đúng) thì đánh dấu "✓" vào trong ô trống.

2. Thủ tục chấp thuận chuyển giao công nghệ

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, cá nhân chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao gửi hồ sơ đến *Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* nơi triển khai ứng dụng công nghệ chuyển giao để đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ. 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định. 3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra văn bản chấp thuận chuyển giao công nghệ; trường hợp không chấp thuận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	*Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:* *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Văn bản đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ; b) Văn bản về tư cách pháp lý của bên đề nghị; c) Tài liệu giải trình về công nghệ; d) Tài liệu giải trình về điều kiện sử dụng công nghệ theo quy định của pháp luật; đ) Tài liệu giải trình về việc phù hợp với quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Văn bản chấp thuận chuyển giao công nghệ; trường hợp không chấp thuận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do
Phí, lệ phí (nếu có)	Mức thu phí thẩm định đối với xem xét, chấp thuận chuyển giao công nghệ là 10 (mười) triệu đồng
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 1, Mẫu số 2 Phụ lục 6 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
Yêu cầu, điều kiện thực hiện	

thủ tục hành chính (nếu có)	
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; - *Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số Thông tư thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.*

Mẫu số 1

Mẫu
Văn bản đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ

.....[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: ...../.....	*Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
CHẤP THUẬN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Kính gửi: .....{Ủy ban nhân dân cấp tỉnh}

Tên tổ chức, cá nhân:.....[1]

Địa chỉ:..... Số điện thoại: ..... Email: .....[2]

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận chuyển giao công nghệ .....[3] với nội dung chuyển giao như sau:

I. Các Bên tham gia chuyển giao công nghệ

1. Bên giao công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)[4]:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại (tel):..... Email: .....
  Fax:..... Website: .....
- Người đại diện:..... Chức danh:.....
- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....
- Thông tin Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấp phép kinh doanh,...):

2. Bên nhận công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)[4]:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại (tel):..... Email: .....
  Fax:..... Website: .....
- Người đại diện:..... Chức danh:.....
- Số căn cước công dân/hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) đối với cá nhân tham gia chuyển giao công nghệ hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức:
- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....
- Thông tin Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấp phép kinh doanh,...):

II. Nội dung chuyển giao công nghệ

1. Công nghệ chuyển giao

- Tên công nghệ:.....Lĩnh vực:.....[3]
- Thời hạn chuyển giao công nghệ:.....

2. Đối tượng công nghệ chuyển giao

Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ	☐
Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu	☐
Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ	☐
Máy móc, thiết bị đi kèm công nghệ chuyển giao	☐
Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ: - Tên đối tượng sở hữu trí tuệ: ... + Văn bằng bảo hộ hoặc Số đơn đăng ký (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ): ... (số, ngày cấp, ngày gia hạn)	☐ ☐

+ Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (trường hợp chuyển quyền sử dụng): ... (số, ngày cấp, ngày gia hạn)	

3. Dự kiến sản phẩm công nghệ tạo ra:

- Tên, ký hiệu sản phẩm;
- Tiêu chuẩn chất lượng (theo TCVN, QCVN, tiêu chuẩn quốc tế,...).

III. Các văn bản, tài liệu kèm theo.

Bản sao văn bản xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện bên giao công nghệ	☐
Tài liệu giải trình về công nghệ (5)	☐
Tài liệu giải trình về điều kiện sử dụng công nghệ theo quy định của pháp luật (6)	☐
Tài liệu về việc phù hợp với quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (7)	☐
Bản gốc Giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ)	☐

.....(1) thay mặt các Bên tham gia chuyển giao công nghệ .....(3) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của các nội dung được nêu trên đây và tài liệu kèm theo. Nếu được chấp thuận, các bên tham gia chuyển giao công nghệ cam kết tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN(1)

(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)(8)

Ghi chú:

- (1): Bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; Bên có nhu cầu tiếp nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước; Bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ.
- (2): Địa chỉ, thông tin liên lạc của (1).
- (3): Công nghệ đề nghị chấp thuận; Lĩnh vực công nghệ theo chức năng quản lý của các Bộ, ngành.
- (4): Trường hợp là cá nhân phải cung cấp thông tin cá nhân gồm: Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) số ..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
- (5): Mẫu tài liệu giải trình công nghệ ban hành kèm theo Nghị định này.
- (6): Tài liệu giải trình việc đáp ứng điều kiện sử dụng công nghệ theo quy định của pháp luật có liên quan.
- (7): Giải trình rõ các nội dung quy định của pháp luật về tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành, tiêu chuẩn về tiêu hao năng lượng, khí thải, nước thải, các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường,...
- (8): Trường hợp là cá nhân chỉ cần ký, ghi rõ họ tên.
- Đối với ô trống ☐, nếu có (hoặc đúng) thì đánh dấu "✓" vào trong ô trống.

Mẫu số 2

Mẫu
Tài liệu giải trình công nghệ

TÀI LIỆU GIẢI TRÌNH VỀ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Văn bản đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ)

1. Sự cần thiết phải chuyển giao công nghệ

a) Phân tích, đánh giá, so sánh về các công nghệ cùng loại hiện đang áp dụng trong nước, trên thế giới, khu vực đối với công nghệ đề nghị chấp thuận.

b) Nhu cầu chuyển giao công nghệ.

2. Thuyết minh về công nghệ

Thuyết minh về công nghệ thể hiện các nội dung sau:

a) Tên công nghệ;

b) Nguồn gốc xuất xứ công nghệ;

c) Sản phẩm do công nghệ tạo ra;

d) Thị trường tiêu thụ sản phẩm (xuất khẩu, tiêu thụ nội địa);

đ) Công nghệ đã được kiểm chứng, ứng dụng vào thực tế (tại những quốc gia nào) hoặc chưa được áp dụng;

e) Nội dung công nghệ chuyển giao:

- Đối tượng công nghệ chuyển giao;
- Phạm vi quyền chuyển giao công nghệ.

g) Sơ đồ, quy trình và thông số kỹ thuật chính của công nghệ;

h) Máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đi kèm (dự kiến danh mục, tình trạng, thông số kỹ thuật của máy móc, thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ);

i) Các yêu cầu về nhân lực đối với Bên có nhu cầu tiếp nhận công nghệ;

k) Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu đối với công nghệ chuyển giao;

l) Các cơ sở hạ tầng cần thiết trong trường hợp tiếp nhận công nghệ.

3. Dự kiến kết quả chuyển giao công nghệ đạt được

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ
(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)[(1)]

Ghi chú:

- (1): Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu và giáp lai các trang của Tài liệu giải trình; trường hợp là cá nhân phải ký tắt vào từng trang của Tài liệu giải trình công nghệ).

3. Thủ tục cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ

Trình tự thực hiện	1. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân chuyển giao công nghệ tiến hành ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ. (*Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ, bên có nghĩa vụ thực hiện việc đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi triển khai ứng dụng công nghệ chuyển giao*)). 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo quy định. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung, các bên sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu hoặc có văn bản đề nghị gia hạn thời gian việc sửa đổi, bổ sung. Thời gian gia hạn không quá 60 ngày, hết thời hạn này, nếu các bên không sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra thông báo từ chối cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ và trả lại hồ sơ nếu có yêu cầu. 3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thẩm định và cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ; trường hợp từ chối cấp Giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	*Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:* *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, trong đó ghi rõ cam kết trách nhiệm của các bên bảo đảm nội dung hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan; b) Văn bản về tư cách pháp lý của các bên trong hợp đồng chuyển giao công nghệ; c) Bản gốc bằng tiếng Việt hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển giao công nghệ; trường hợp không có hợp đồng bằng tiếng Việt thì phải có bản dịch sang tiếng Việt và được công chứng hoặc chứng thực; d) Danh mục tài liệu công nghệ, máy móc, thiết bị (nếu có) kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ; đ) Bản sao có chứng thực văn bằng bảo hộ các đối tượng sở hữu trí tuệ (nếu có); e) Tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, dịch vụ do ứng dụng công nghệ chuyển giao;

	g) Giải trình về điều kiện sử dụng công nghệ; h) Văn bản thẩm định giá công nghệ được chuyển giao trong trường hợp bên nhận chuyển giao công nghệ sử dụng vốn nhà nước.
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối cấp Giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.)
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức và cá nhân
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép chuyển giao công nghệ
Phí, lệ phí (nếu có)	Mức thu phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ để cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 3, Mẫu số 4 Phụ lục 6 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; *- Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số Thông tư thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.*

Mẫu số 3

Mẫu
Văn bản đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ

.....[1] Số: ...../.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Kính gửi: .....{Ủy ban nhân dân cấp tỉnh}

Tên tổ chức, cá nhân:.....[1]

Địa chỉ:..... Số điện thoại: ..... Email: .....[2]

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp phép chuyển giao công nghệ .....[3] với nội dung chuyển giao như sau:

I. Các bên tham gia hợp đồng chuyển giao công nghệ:

1. Bên giao công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)[4]:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại (tel):..... Email:.....
  Fax:..... Website: .....
- Người đại diện:..... Chức danh:.....
- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....
- Thông tin Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấp phép kinh doanh,...):

2. Bên nhận công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân):.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại (tel):..... Email: .....
  Fax:..... Website: .....
- Người đại diện:..... Chức danh:.....
- Số căn cước công dân/hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) đối với cá nhân tham gia chuyển giao công nghệ hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức:
- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....
- Thông tin Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấp phép kinh doanh,...):

II. Nội dung chuyển giao công nghệ:

1. Công nghệ chuyển giao

- Tên công nghệ:.....Lĩnh vực:.....[3]
- Thời gian thực hiện chuyển giao công nghệ:.....

2. Đối tượng công nghệ chuyển giao

Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ	☐
Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu	☐
Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ	☐
Máy móc, thiết bị đi kèm công nghệ chuyển giao	☐
Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ: - Tên đối tượng sở hữu trí tuệ: ... + Văn bằng bảo hộ hoặc Số đơn đăng ký (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ): ... (số, ngày cấp, ngày gia hạn)	☐ ☐

+ Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (trường hợp chuyển quyền sử dụng): ... (số, ngày cấp, ngày gia hạn)	

3. Hình thức chuyển giao công nghệ

Chuyển giao công nghệ độc lập			☐
Phần chuyển giao công nghệ trong các trường hợp	Dự án đầu tư		☐
	Góp vốn bằng công nghệ	Vào dự án đầu tư	☐
		Hình thức khác (ghi tên hình thức khác nếu có)	☐
	Nhượng quyền thương mại		☐
	Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ		☐
	Mua bán máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ chuyển giao	Theo hợp đồng mua bán độc lập	☐
		Theo dự án đầu tư	☐
Hình thức khác (nếu có)[5]			☐

4. Phương thức chuyển giao công nghệ

Chuyển giao tài liệu về công nghệ	☐
Đào tạo	☐
Cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật	☐
Chuyển giao máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ và theo các phương thức: Chuyển giao tài liệu về công nghệ; đào tạo; cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật	☐
Phương thức chuyển giao khác (nếu có)[6]	☐

5. Quyền chuyển giao công nghệ

Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ		☐
Chuyển giao quyền sử dụng công nghệ	Được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác	☐
	Không được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác	☐
	Độc quyền sử dụng công nghệ	☐
	Không độc quyền sử dụng công nghệ	☐

6. Giá, phương thức thanh toán

6.1. Giá chuyển giao công nghệ

TT	Nội dung	Giá
1	Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ; phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ[7]	
2	Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ	
3	Đào tạo	
3.1	Đào tạo nước ngoài	
3.2	Đào tạo trong nước	
4	Hỗ trợ kỹ thuật	
5	Máy móc, thiết bị	
Tổng:		

6.2. Phương thức thanh toán chuyển giao công nghệ

Trả một lần bằng tiền hoặc hàng hóa	☐
Trả nhiều lần bằng tiền hoặc hàng hóa (số lần .....)	☐

Trả theo phần trăm (%) giá bán tịnh		☐
Trả theo phần trăm (%) doanh thu thuần		☐
Trả theo phần trăm (%) lợi nhuận	Trước thuế của bên nhận	☐
	Sau thuế của bên nhận	☐
Phương thức thanh toán khác[8]		☐

7. Sản phẩm do công nghệ tạo ra, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm:

- Tên, ký hiệu sản phẩm;
- Tiêu chuẩn chất lượng (theo TCVN, QCVN, tiêu chuẩn quốc tế,...);
- Sản lượng[9];
- Tỷ lệ xuất khẩu (nếu xác định được)[10].

III. Các văn bản, tài liệu kèm theo:

Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt[11]	☐
Bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với Hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng ..... (nước ngoài)[11]	☐
Bản sao văn bản xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện các bên tham gia hợp đồng hoặc văn bản xác nhận quyền ký kết hợp đồng của người ký hợp đồng (đối với tổ chức);	☐
Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản thẩm định giá công nghệ được chuyển giao trong trường hợp có sử dụng vốn nhà nước[12]	☐
Bản sao văn bằng bảo hộ hoặc đơn đăng ký (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ) các đối tượng sở hữu trí tuệ (nếu có)	☐
Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (nếu có)	☐
Danh mục tài liệu công nghệ, máy móc, thiết bị (nếu có) kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ	☐
Giải trình về điều kiện sử dụng công nghệ[13]	☐
Bản gốc giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ)	☐

.....[1] thay mặt các Bên tham gia chuyển giao công nghệ .....[3] xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của các nội dung được nêu trên đây và tài liệu kèm theo; cam kết các nội dung hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan. Nếu được cấp phép, các bên tham gia chuyển giao công nghệ cam kết tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN[1]

(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)[14]

Mẫu số 4

Mẫu
Giấy phép chuyển giao công nghệ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/ THÀNH PHỐ....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: ...../GP-……	*Hà Nội, ngày tháng năm 20.....*

GIẤY PHÉP
CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH / THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số .....;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ của .....(1) ngày .... tháng .... năm .....;

Xét đề nghị của ....,

CẤP PHÉP CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

1. .....(2) chuyển giao công nghệ cho ..... (3) theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ số ..... ngày ..../...../.... gồm những nội dung sau:

a) Tên công nghệ;

b) Đối tượng công nghệ được chuyển giao;

c) Phương thức chuyển giao công nghệ;

d) Hình thức chuyển giao công nghệ;

đ) Sản phẩm do công nghệ tạo ra;

e) Thời hạn của hợp đồng chuyển giao công nghệ.

2. Trách nhiệm của Bên giao công nghệ:

a) Trách nhiệm trong chuyển giao công nghệ (gồm đối tượng công nghệ, phương thức chuyển giao) để Bên nhận công nghệ sản xuất được các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng như đã xác định trong Hợp đồng;

b) Trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về tài chính;

c) Trách nhiệm về bảo hành công nghệ được chuyển giao;

d) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

3. Trách nhiệm của Bên nhận công nghệ:

a) Trách nhiệm trong việc tổ chức tiếp thu và làm chủ công nghệ được chuyển giao trong thời hạn của Hợp đồng;

b) Trách nhiệm trong việc thanh toán giá trị Hợp đồng cho Bên giao;

c) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

4. Trách nhiệm trong việc báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ theo quy định

5. Trách nhiệm của Bên giao và Bên nhận khi kết thúc Hợp đồng

6. Giấy phép này có giá trị đến ngày.... tháng ..... năm ....

Nơi nhận:	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
- Bên giao công nghệ;	**CHỦ TỊCH**
- Bên nhận công nghệ;	*(ký tên, đóng dấu)*
- Bộ Khoa học và Công nghệ;	
- Sở….;(4)	
- Cơ quan quản lý thuế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;(5)	

- Lưu: VT, ….

Ghi chú:

- (1): Bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; Bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước; Bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ.
- (2): Bên giao công nghệ.
- (3): Bên nhận công nghệ.
- (4): Nơi ứng dụng công nghệ được chuyển giao.
- (5): Nơi Bên nhận công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ trong nước, chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam) hoặc Bên giao công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài) đặt trụ sở chính (đối với tổ chức) hoặc nơi đăng ký mã số thuế cá nhân (đối với cá nhân).

4. Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến *Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh* (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được chuyển giao, ứng dụng). - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: + Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, đánh giá hồ sơ thông báo để tổ chức, cá nhân nộp bổ sung, hoàn thiện; + Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Hội đồng đánh giá có từ 07 đến 09 thành viên, gồm đại diện của các cơ quan quản lý và các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan; + Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng, cơ quan có thẩm quyền xem xét, đánh giá hồ sơ ban hành quyết định công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu. + Trường hợp kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không được công nhận phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.
Cách thực thực hiện	*Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	*1. Thành phần hồ sơ:* *- Đơn đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân (theo mẫu).* *- Báo cáo chuyển giao, ứng dụng hiệu quả kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong thực tiễn (theo mẫu).*

	- Các tài liệu minh chứng liên quan đến việc chuyển giao, ứng dụng hiệu quả kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong thực tiễn. *2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*
Thời hạn giải quyết	*- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;* *- Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 15 ngày làm việc;* *- Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu có đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Mẫu BM I.1 - Đơn đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân.* *Mẫu BM I.2 - Báo cáo chuyển giao, ứng dụng hiệu quả kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong thực tiễn.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Tuân thủ các quy định pháp luật về quyền sở hữu đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. - Làm rõ nội dung, phương pháp thực hiện nghiên cứu, thử nghiệm, chuyển giao, ứng dụng; đặc tính, hiệu quả về kỹ thuật của kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực cụ thể. - Làm rõ phạm vi, quy mô ứng dụng, chuyển giao; giá trị kinh tế - xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh trong điều kiện cụ thể của đất nước, địa phương.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; *- Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.*

BM I.1
58/2025/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Kính gửi: ……...1[13]

1. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị

- Tên tổ chức, cá nhân đề nghị: ……
- Đại diện theo pháp luật: ……2[14]
- Mã định danh tài khoản tổ chức, doanh nghiệp/Mã định danh tài khoản (công dân): ..……
- Điện thoại:…… Email: ……
- Địa chỉ: ……..
- Lĩnh vực hoạt động: ……..

2. Thông tin về kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu

- Tên kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: ……
- Tóm tắt nội dung kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ:

……

3. Cam kết:

Tổ chức, cá nhân ……3[15] nắm giữ quyền sở hữu hợp pháp đối với ……..……4[16]. và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của các nội dung cam kết, tài liệu kèm theo.

...., ngày....tháng… năm .....

TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)5[17]

---

[13] Cơ quan có thẩm quyền công nhận quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018.
[14] Trường hợp là tổ chức thì ghi họ tên của người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó.
[15] Ghi rõ tên tổ chức, cá nhân đề nghị.
[16] Ghi rõ tên kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đề nghị.
[17] Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức.

BM I.2
58/2025/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
CHUYỂN GIAO, ỨNG DỤNG HIỆU QUẢ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRONG THỰC TIỄN

Kính gửi: ……....[18]

1. Thông tin về kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được ứng dụng, chuyển giao

1.1. Tên kết quả: ……..
1.2. Tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu: ……

2. Sự cần thiết phải công nhận

……

3. Mô tả đặc tính, hiệu quả về kỹ thuật, kinh tế - xã hội, môi trường

3.1. Bản vẽ, thiết kế, quy trình, sơ đồ:

……

3.2. Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá, thử nghiệm:

……

3.3. Giá trị kinh tế - xã hội, môi trường:

……

4. Nội dung, phạm vi, quy mô thực hiện nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao:

……

5. Hiệu quả chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong thực tiễn:

……

(Kèm theo tài liệu minh chứng).

...., ngày....tháng… năm .....

TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)[19]

[18] Cơ quan có thẩm quyền công nhận quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018.
[19] Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức.